



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**

## NỘI DUNG

<b>I. Lời mở đầu .....</b>	<b>2</b>
1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT .....	2
2. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý phát triển bền vững .....	4
<b>II. Thông tin chung .....</b>	<b>4</b>
1. Thông tin khái quát .....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh .....	5
4. Cơ cấu tổ chức.....	7
5. Định hướng phát triển .....	8
6. Các rủi ro.....	9
<b>III. Tình hình hoạt động trong năm .....</b>	<b>10</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	10
2. Tổ chức và nhân sự .....	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	16
4. Tình hình tài chính .....	16
5. Cơ cấu cổ đông.....	18
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	20
<b>IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....</b>	<b>24</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	24
2. Tình hình tài chính .....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	25
4. Kế hoạch phát triển năm 2021 .....	26
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....	27
<b>V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....</b>	<b>28</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty .....	29
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	29
<b>VI. Quản trị công ty .....</b>	<b>30</b>
1. Hội đồng quản trị .....	30
2. Ban Kiểm soát.....	32
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.....	32
<b>VII. Báo cáo tài chính .....</b>	<b>34</b>

## **I. Lời mở đầu**

### **1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT**

Kính gửi Quý Cổ đông và Nhà đầu tư!

Năm 2020 đại dịch Covid-19 đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng toàn cầu với quy mô chưa từng có. Nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái với suy giảm GDP diễn ra ở hầu khắp các quốc gia. Việt Nam tuy là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu, nhưng các doanh nghiệp trong nước vẫn không tránh khỏi phải đương đầu với những thách thức lớn, đặc biệt đối với những doanh nghiệp xuất khẩu như An Tiến Industries.

Trong bối cảnh đó Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ công nhân viên của HII đã nỗ lực để hoàn thành mục tiêu ĐHCĐ đã đề ra với kết quả như sau: doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 53 tỷ đồng, hoàn thành 124% doanh thu kế hoạch và 88% lợi nhuận kế hoạch. Đây là những kết quả đáng khen ngợi và tự hào khi Công ty vừa thành công trong phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn sức khỏe cho tập thể cán bộ công nhân viên, vừa duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chúng tôi tin rằng những kết quả đạt được sẽ là nền móng vững chắc để tạo ra những bước tiến của doanh nghiệp trong theo đuổi chiến lược kinh doanh, vươn mình mạnh mẽ sau đại dịch.

Năm 2021, An Tiến Industries đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất 4.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng, tỷ lệ cổ tức từ 10-15%/mệnh giá. Định hướng trong năm tới, Công ty sẽ chạy tối đa công suất hai nhà máy sản xuất hạt nhựa và bột đá, tối ưu cơ cấu sản phẩm và thị trường hiện hữu, đồng thời khai thác thị trường lớn được mở ra nhờ các Hiệp định tự do thương mại và chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu sang Việt Nam. Chúng tôi cũng sẽ ưu tiên nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bio-compound thân thiện với môi trường và các sản phẩm compound có hàm lượng kỹ thuật cao, nắm bắt xu thế tiêu dùng xanh trên toàn cầu và gia tăng chuỗi giá trị.

Trong giai đoạn phát triển mới, An Tiến Industries sẽ tiếp tục phát huy các lợi thế cạnh tranh, khẳng định vị thế Top 2 nhà sản xuất hạt nhựa phụ gia tại thị trường Việt Nam và kiến tạo giá trị tích cực cho các bên hữu quan. Chúng tôi tin rằng với định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sự đồng lòng, nhiệt huyết và quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, và những nền tảng vững chắc đã được xây dựng, HII chắc chắn có thể phát huy tối đa mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng với An Tiến Industries trong suốt thời gian qua và hy vọng được tiếp tục gắn bó với Quý vị trong những chặng đường phát triển tiếp theo của doanh nghiệp. Tôi cũng xin kính chúc Quý vị một năm mới thật nhiều sức khỏe và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

**Chủ tịch HĐQT**

*(Đã ký)*

**ĐINH XUÂN CƯỜNG**

## 2. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý phát triển bền vững

- **Tầm nhìn:** Trở thành nhà sản xuất hàng đầu khu vực trong ngành sản xuất hạt nhựa phụ gia, Bột đá và thiết lập các cam kết dài hạn đối với Cán bộ công nhân viên và Cổ đông trong công ty.
- **Sứ mệnh:** Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp nhựa Việt Nam cùng phát triển, nâng tầm vị thế thương hiệu nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường Việt Nam.
- **Triết lý phát triển bền vững:** Tìm kiếm những phương thức tốt nhất để có thể hoạt động như một công ty “Xanh”, bao gồm việc đầu tư vào công nghệ xanh cho quy trình sản xuất và hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động “Xanh” bất cứ khi nào có thể.

## II. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES</b>
Tên tiếng Anh	<b>An Tien Industries Joint Stock Company</b>
Tên viết tắt	An Tien Industries., JSC
Giấy CNĐKKD	Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/11/2020
Vốn Điều lệ	320.275.000.000 đồng
Trụ sở chính	Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại	0293 853 886
Fax	0293 851 123
Website	<a href="http://www.antienindustries.com">www.antienindustries.com</a>
Mã cổ phiếu	HII

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### a) Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Dấu mốc phát triển
2009	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành lập CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái tại KCN phía Nam, thành phố Yên Bái</li><li>- Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO<sub>3</sub> với công</li></ul>

	suất 4.800 tấn/năm.
<b>2010</b>	- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng - Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO <sub>3</sub> đi vào hoạt động
<b>2013</b>	- Tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng - Lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 15.000 tấn/năm
<b>2016</b>	- Lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm - Tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng - Đầu tư dự án nâng công suất nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia lên 150.000 tấn/năm, nhà máy sản xuất bột đá CaCO <sub>3</sub> công suất 222.000 tấn/năm
<b>2017</b>	- Chính thức niêm yết tại HSX, Mã chứng khoán là HII - Khánh thành nhà máy sản xuất bột đá CaCO <sub>3</sub> với công suất 222.000 tấn/năm
<b>2018</b>	- Phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 278 tỷ đồng - Đổi tên thành CTCP An Tiến Industries, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu
<b>2019</b>	- Top 5/500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam. - Nhận cờ thi đua của Chính phủ dành cho Tập thể có thành tích hoàn thành xuất sắc

b) Các thành tích trong năm 2020

- Tháng 8/2020: An Tiến Industries vinh dự dẫn đầu Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, vượt 4 bậc so với năm 2019 (5/500). Bảng xếp hạng FAST500 được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.
- Tháng 8/2020: HII được vinh danh trong danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” do Bộ Công thương lựa chọn.
- HII thành công phòng chống dịch COVID-19: Với nhiều biện pháp ứng phó được thực thi hiệu quả, HII không ghi nhận ca nhiễm nào trong hệ thống.
- HII tiếp tục đồng hành cùng địa phương tỉnh Yên Bái trong các công tác xã hội, chung tay xây dựng cộng đồng văn minh, phát triển.

### 3. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

An Tiến Industries hiện đang sở hữu hai nhà máy là Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia Caco<sub>3</sub> với diện tích 8.400 m<sup>2</sup> và Nhà máy sản xuất Bột đá Caco<sub>3</sub> siêu mịn có diện tích

19.000m<sup>2</sup>. Các nhà máy của An Tiến Industries được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại trị giá hàng chục tỷ đồng với công suất 150.000 tấn sản phẩm phụ gia nhựa/năm và 222.000 tấn bột đá/năm.

Sản phẩm chính của HII là hạt phụ gia ngành nhựa và bột đá Caco<sub>3</sub> siêu mịn cho các khách hàng, đối tác trên toàn cầu. Cụ thể:



- **Hạt phụ gia Calbest (Ancal):** còn được gọi là chất độn nhựa, được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm.... Trong đó cụ thể:

- + AnCal PP được ứng dụng trong PP thổi màng, túi; PP không dệt và dệt; PP ép phun, đúc thổi, ép đùn;
- + AnCal PE được ứng dụng trong thổi các loại túi mỏng chất lượng cao và yêu cầu độ trong của túi;
- + AnCal trong được ứng dụng trong màng phim nông nghiệp LLDPE, màng phủ; các loại bao túi HDPE, LDPE, túi mua sắm, các sản phẩm thổi bóng có độ chính xác cao; các sản phẩm khuôn nhựa PP, PP...



- **Bột đá:** được ứng dụng trong ngành nhựa: dây cáp, ống nhựa, chất độn, màng phim, tấm nhựa...; ngành công nghiệp sơn, giấy...; ngành công nghiệp xây dựng như sơn, gạch, Asphalt, bê tông...

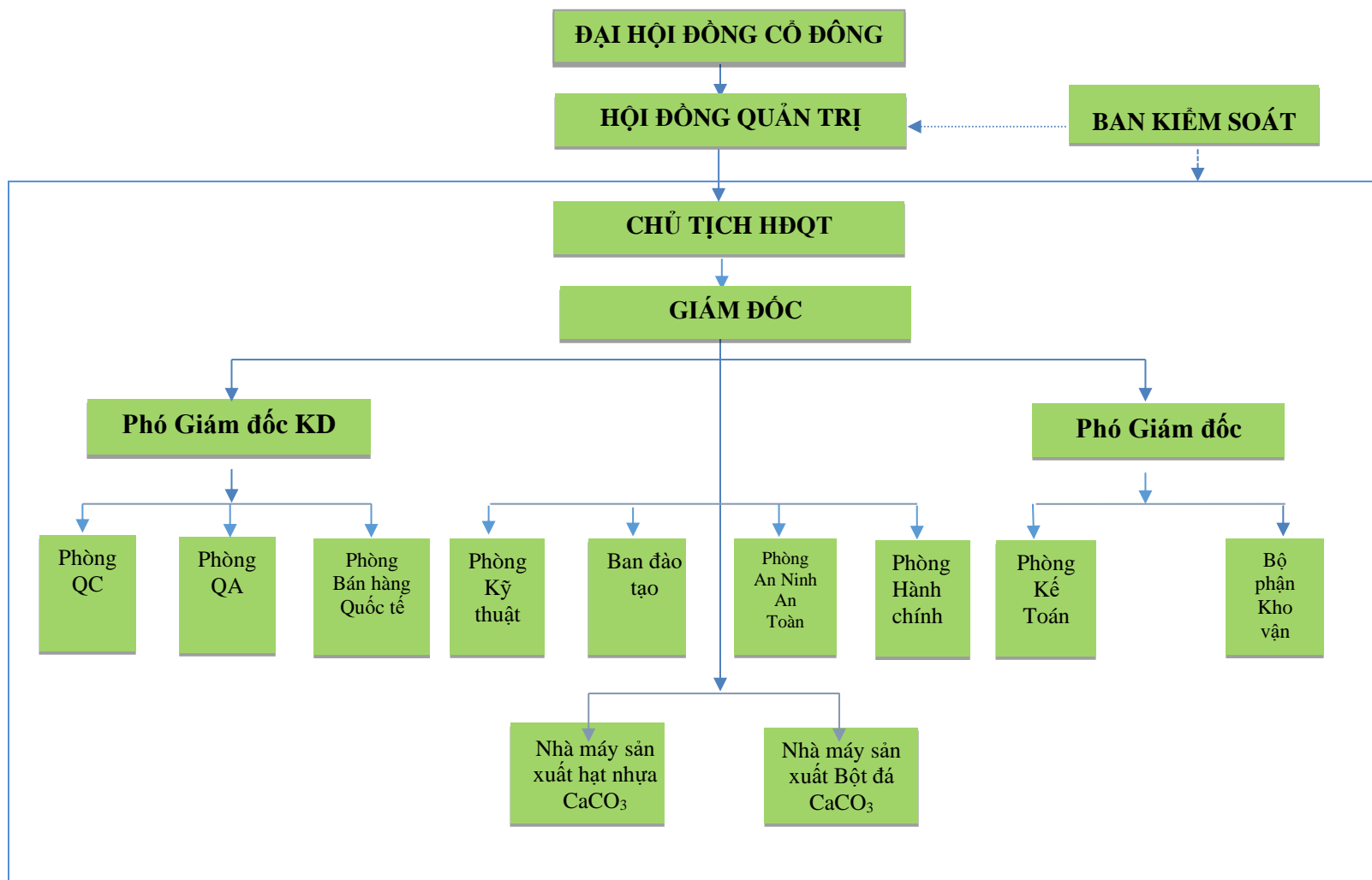
- **Hạt độn màu:** được sử dụng rộng rãi trong quá trình sản xuất các sản phẩm polyolefin: Sợi (thảm, dệt may, vải nỉ...); màng phim (túi nhựa, phim đa lớp...); gia công đùn (Sheet, Pipe, Wire & Cable, v.v.); thổi khuôn (y tế & mỹ phẩm, sơn...); Injection Molding (ô tô, điện tử, xây dựng, đồ gia dụng...).



Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty hiện là nhà sản xuất hạt nhựa phụ gia lớn thứ 2 Việt Nam, với 2 nhà máy sản xuất hiện đại tại Yên Bái. Sản phẩm của HII được xuất khẩu sang 62 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ, Trung Quốc.

#### 4. Cơ cấu tổ chức

##### a) Sơ đồ tổ chức





b) Các công ty con, công ty liên kết

STT	Công ty	Mối liên hệ	Tỷ lệ góp vốn	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1	CTCP Liên Vận An Tín	Công ty con	70%	Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Vận tải hàng hóa bằng đường, ven biển và viễn dương
2	CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành	Công ty con	69,26%	Km47 Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...
3	Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore	Công ty con	100%	8 Temasek Boulevard, #44-00, Suntec Tower Three Singapore (038988)	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, PET...

## 5. Định hướng phát triển

Trong giai đoạn 2021 - 2023, Công ty tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nhà sản xuất phụ gia nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Thông qua các giải pháp chiến lược trong các hoạt động, HII sẽ không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp và kiến tạo tác động tích cực cho các bên hữu quan.

**Về hoạt động bán hàng:** tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, thị trường hiện hữu và đẩy mạnh xuất khẩu, giữ vững thế là nhà xuất khẩu uy tín trong ngành nhựa Việt Nam.

**Về hoạt động sản xuất và đảm bảo chất lượng:** Chạy tối đa công suất hai nhà máy sản xuất hạt nhựa và bột đá; tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm compound thân thiện với môi trường và có hàm lượng kỹ thuật cao; đẩy mạnh các sáng kiến cải tiến trong sản xuất, giảm hao hụt nguyên vật liệu và tiêu hao năng lượng.

**Về hoạt động quản trị doanh nghiệp:** Tiếp tục tối ưu hóa hệ thống, tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, tinh gọn bộ máy và tối ưu cơ chế phối hợp hoạt động giữa các phòng, ban chức năng và với các đơn vị thành viên.

**Về hoạt động quản trị nguồn nhân lực:** phát huy các chính sách nhân sự nhằm bảo

đảm lược lượng nhân sự đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và bồi đắp khối đoàn kết nội bộ.

**Về kết quả kinh doanh:** Năm 2021 An Tiên Industries đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất 4.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng, tỷ lệ cổ tức từ 10-15%/mệnh giá, tương đương tăng trưởng 32% lợi nhuận thực hiện năm 2020.

**Về gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh:** Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hiệu quả kinh doanh, HII hướng đến đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên liên quan. Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và tiến tới áp dụng những chuẩn mực quốc tế cao hơn về quản trị sản xuất, tuân thủ môi trường, quản trị doanh nghiệp, đồng thời chung tay với cộng đồng địa phương xây dựng một xã hội văn minh, phát triển.

## 6. Các rủi ro

**Rủi ro tăng trưởng kinh tế:** Năm 2020, dịch COVID-19 do virus Corona gây ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Dù kinh tế thế giới được dự báo sẽ phục hồi sau dịch bệnh nhưng vẫn tồn tại những rủi ro trong ngắn hạn. Suy giảm sản xuất toàn cầu có thể tác động xấu đến các thị trường của HII. **Biện pháp:** đa dạng hóa các thị trường, khách hàng.

**Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Ngành nhựa Việt Nam phải nhập khẩu 80 – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, nguyên liệu chiếm khoảng 75% – 80% giá thành của sản phẩm. Giá nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.. **Biện pháp:** Luôn cập nhật thông tin và sử dụng các sản phẩm hedging hàng hóa để kiểm soát giá thành. Ngoài ra, Công ty còn có các ban chuyên môn nghiên cứu, tổng hợp để lựa chọn nhà cung ứng hàng hóa cạnh tranh nhất trên thị trường.

**Rủi ro lãi suất:** Suy giảm kinh tế năm 2020 đã khiến các chính phủ kích hoạt các chính sách nới lỏng tiền tệ. Môi trường kinh doanh với lãi suất thấp hiện nay đã giúp doanh nghiệp giảm chi phí vay. Tuy nhiên với kỳ vọng về hồi phục kinh tế, các chính sách tiền tệ này có thể được thay đổi, tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. **Biện pháp:** Chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn chủ cho phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh gắn chắc với thời điểm của thị trường tín dụng.

**Rủi ro chính sách:** Năm 2021, nhiều bộ luật và chính sách mới được ban hành và có hiệu lực như Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư... đòi hỏi các doanh nghiệp phải chủ động cập nhật, đáp ứng. Các sự thay đổi của quy định hiện hành đều có những tác động ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty. **Biện pháp:** Công ty chủ động cập nhật thông tin, chính sách pháp luật liên quan mới, các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của

đề ra kịp thời thay đổi, đáp ứng các quy định hiện hành. Ngoài ra, các phòng ban chủ động rà soát các văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế rủi ro chính sách có liên quan.

**Rủi ro nhân sự:** Trong khi lĩnh vực sản xuất luôn đòi hỏi lượng lớn lao động có chuyên môn và tay nghề cao, hệ thống đào tạo nghề của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và đòi hỏi của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đòi hỏi duy trì lực lượng lao động ổn định để triển khai các kế hoạch sản xuất. **Biện pháp:** HII coi con người là yếu tố trung tâm làm nên thành công, luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Công ty chú trọng xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, hình thành sự gắn bó của người lao động, duy trì lực lượng lao động ổn định, chất lượng, đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty.

### **III. Tình hình hoạt động trong năm**

#### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### *a) Bối cảnh ngành nhựa năm 2020*

Với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng thuộc dạng tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Năm 2020 vượt qua thách thức của đại dịch, doanh thu của ngành nhựa Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng ở mức 10,9% so với năm 2019 với tổng doanh thu khoảng 22,18 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 3,65 tỷ USD, nhưng mức tăng 6,3% so với cùng kỳ năm chỉ bằng một nửa so với năm 2019. Năm 2020 Mỹ vượt qua Nhật Bản trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm nhựa Việt Nam, chiếm 30% trị giá xuất khẩu trong năm 2020. Xuất khẩu tới Mỹ tăng mạnh chủ yếu do tăng xuất khẩu sản phẩm sàn nhựa dùng trong xây lắp.

Dự địa tăng trưởng của ngành nhựa Việt Nam được đánh giá còn nhiều do chỉ số tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người của Việt Nam còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người, thị trường mới từ ưu đãi các Hiệp định tự do thương mại (FTA, EVFTA, RCEP) cũng như tăng trưởng xây dựng dân dụng, hạ tầng được cho là động lực tăng trưởng

của ngành nhựa Việt Nam trong các năm tới. Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Tuy nhiên ngành nhựa Việt Nam hiện vẫn còn những rào cản hạn chế sự phát triển của ngành, đó là phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu (hiện trong nước mới tự chủ được 10-15% nguyên liệu), số lượng mẫu mã, chủng loại sản phẩm còn đơn điệu, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng. Đồng thời cuộc cách mạng xanh trong ngành công nghiệp nhựa diễn ra mạnh mẽ, thúc đẩy chuyển dịch sang các vật liệu và sản phẩm nhựa sinh học thân thiện với môi trường.

*b) Kết quả kinh doanh của HII năm 2020*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng 2020/2019
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.300	4.083	123,72%	-11,85%
LNST (tỷ đồng)	60	53	88,28%	-2,08%

Đại dịch covid-19 vừa qua tác động tới nền kinh tế toàn cầu khiến giao thương bị ngưng trệ, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn. Trong bối cảnh chung đó, tại Yên Bái, An Tiến Industries vẫn tự mình vượt khó bằng cách tái cấu trúc doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường mới và đẩy mạnh xuất khẩu.

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, mảng thương mại đóng góp 3.347 tỷ ( giảm 14% so với cùng kỳ), mảng sản xuất đóng góp 604 tỷ ( giảm 5% so với cùng kỳ). Dịch Covid-19 không ảnh hưởng nhiều đến sản lượng sản xuất và thương mại, trong đó sản lượng sản xuất CaCO<sub>3</sub> và filler đạt 103 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ, song doanh thu giảm là do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể từ 2,5% năm 2019 lên 3,7% đối với mảng thương mại và từ 20,1% lên 22,8% năm 2020 đối với mảng sản xuất. Trong năm, công ty đã chủ động tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt mảng thương mại áp dụng chính sách mới, nhập hàng khi có đơn đặt hàng, giảm hàng tồn kho, cùng với đẩy mạnh xuất khẩu khiến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 53 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2019, hoàn thành 88,3% kế hoạch năm. Mức giảm về LNST này chủ yếu do trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 11,7 tỷ trong năm 2020.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành viên	Quá trình công tác
<p><b>Ông Đinh Xuân Cường</b>  <i>Chủ tịch HĐQT</i>  <i>(Thành viên HĐQT không điều hành)</i>  <i>Tiến sĩ tài chính</i>  <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2003 - 2006: Trader Calyon Corporate &amp; Investment Bank, Paris, Pháp</li> <li>- 2007 - 2010: Phó Tổng Giám đốc INB Investment, Việt Nam</li> <li>- 03/2011 - 08/2011: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Ocean</li> <li>- 07/2017 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.</li> <li>- 07/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh.</li> <li>- 02/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 09/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Ông Đoàn Minh Đức</b>  <i>Thành viên HĐQT</i>  <i>(Thành viên điều hành HĐQT)</i>  <i>Cử nhân kinh tế</i>  <i>Sinh năm 1984</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 11/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Marketing Công ty TNHH Toàn Mỹ Phú; Trưởng đại diện tại Việt Nam Công ty Phytosynthese - Pháp</li> <li>- 07/2011 – 05/2012: Trưởng phòng Marketing Công ty TNHH Khang Minh Việt Nam</li> <li>- 05/2012 - 04/2015: Trưởng phòng Marketing và Trợ lý chiến lược ban TGD CTCP Nhựa Châu Âu</li> <li>- 06/2015 – 04/2018: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Nhựa Vico Việt Nam</li> <li>- 08/2018 đến 9/2019: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 04/2019 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 10/2019 - 11/2020: Tổng giám đốc CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Ông Nguyễn Trung Kiên</b>  <i>Thành viên HĐQT</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2008 – 2010: Kiểm toán Viên, Công ty TNHH E&amp;Y Việt Nam</li> </ul>

<p><i>(Thành viên HĐQT không điều hành)</i>  <i>Cử nhân Kinh tế đối ngoại</i>  <i>Sinh năm 1986</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2010 – 2019: Trưởng phòng Đầu tư/ Trưởng phòng Phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI</li> <li>- 2019 đến nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông</li> <li>- 2019 đến nay: Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings 02/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Ông Phạm Đỗ Huy Cường</b>  <i>Thành viên HĐQT</i>  <i>(Thành viên HĐQT không điều hành)</i>  <i>Thạc sĩ Quản trị kinh doanh</i>  <i>Sinh năm 1984</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2005 – 2009: Chuyên viên tài chính Tập đoàn xăng dầu Việt Nam</li> <li>- 2009 – 2013: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Ernst&amp;Young</li> <li>- 2014 - 2015: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đại Dương</li> <li>- 2015 -2017: Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn T&amp;T</li> <li>- 2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li> <li>- 9/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Ông Vũ Thanh Bình</b>  <i>Thành viên HĐQT</i>  <i>(Thành viên HĐQT không điều hành)</i>  <i>Cử nhân kinh tế</i>  <i>Sinh năm 1988</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2010 – 2011: Điều phối viên dự án An Phát – IMPAC</li> <li>- 2011 – 2012: Giám đốc Nhà máy Số 1 CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 2013 - 3/2016: Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.</li> <li>- 4/2016 – 10/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 10/2018 - 9/2019: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 9/2019 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries</li> </ul>

b) Cơ cấu Ban điều hành

Thành viên	Quá trình công tác
<p><b>Bà Đặng Thị Quỳnh Phương</b>  <i>Tổng giám đốc</i>  <i>Cử nhân Kinh tế đối ngoại</i>  <i>Sinh năm 1989</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2012 - 2015: Nhân viên CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 12/2015 - 3/2017: Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 2/2017 – 10/2018 : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (Nay là CTCP An Tiến Industries)</li> <li>- 3/2017 đến 8/2020: Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 8/2020 đến 11/2020: Phó Tổng giám đốc thường trực CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 11/2020 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Bà Nguyễn Thị Thu Nhân</b>  <i>Kế toán trưởng</i>  <i>Cử nhân</i>  <i>Sinh năm 1988</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 8/2011 – 2012: Nhân viên kế toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái.</li> <li>- 2012 – 2015: Phụ trách phòng Kế toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái</li> <li>- 2016 – 02/2018: Phó Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái</li> <li>- 03/2018 – 08/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái</li> <li>- 2016 đến nay: Kế toán trưởng toán CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries</li> </ul>

c) Cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên	Quá trình công tác
<p><b>Bà Nguyễn Thị Huyền</b>  <i>Trưởng BKS</i>  <i>Cử nhân Kinh tế</i>  <i>Sinh năm: 1985</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 12/2009 - 9/2010: Nhân viên kế toán CTCP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 10/2010 - 2/2012: Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 3/2012 - 10/2013: Giám đốc chi nhánh Sài Gòn CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries</li> <li>- 11/2013 - 4/2015: Thành viên ban Kiểm soát nội bộ CTCP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 5/2015 - 11/2015: Điều phối viên sản xuất CTCP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 11/2015 - 11/2018: Trưởng ban đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CTCP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 11/2018 đến nay: Trưởng Phòng Nhân sự khu vực Hải Dương CTCP Tập Đoàn An Phát Holdings</li> <li>- 4/2019 đến nay: Trưởng BKS CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Bà Đặng Thị Xuê</b>  <i>Thành viên BKS</i>  <i>Cử nhân kinh tế - kế toán</i>  <i>Sinh năm: 1982</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2007 – 02/2008: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình</li> <li>- 03/2008 - 5/2013: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình và CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 6/2013 đến nay: Trưởng phòng mua hàng CTCP Nhựa An Phát Xanh, đồng thời là Thành viên BKS CTCP An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Bà Hoàng Phương Hằng</b>  <i>Thành viên BKS</i>  <i>Cử nhân Tài chính Ngân hàng</i>  <i>Sinh năm: 1993</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 5/2016 đến nay: Nhân viên Ban Thư kí CTCP Nhựa An Phát Xanh</li> <li>- 3/2016 đến nay: Thành viên BKS CTCP An Tiến Industries</li> </ul>

d) Những thay đổi trong HĐQT, BDH công ty trong năm

HĐQT:

- Ngày 20/3/2020: Miễn nhiệm Ông Nguyễn Hữu Long là Thành viên HĐQT
- Ngày 20/3/2020: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Kiên là Thành viên HĐQT



Ban Điều hành:

- Ngày 20/08/2020: Miễn nhiệm ông Nguyễn Việt Dũng là Phó TGD và bổ nhiệm bà Đặng Thị Quỳnh Phương là Phó TGD thường trực
- Ngày 16/11/2020: Bổ nhiệm Bà Đặng Thị Quỳnh Phương là TGD và miễn nhiệm ông Đoàn Minh Đức

e) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tại ngày 31/12/2020, tổng số nhân sự của HII là 245 người. Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, HII đã nỗ lực không ngừng để xây dựng gia đình An Phát với những người con mang bộ gen An Phát, không chỉ phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp.

Trong năm 2020, dưới sự chỉ đạo của BDH, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Thực hiện công tác đào tạo nội bộ, linh hoạt các hình thức đào tạo tại chỗ và đào tạo trực tuyến
- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với CBCNV
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự,
- Xây dựng khung năng lực cán bộ, xây dựng bộ chỉ tiêu KPI theo từng vị trí, thực hiện đánh giá minh bạch, công khai hiệu quả công việc của CBCNV
- Xây dựng hình ảnh nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng đảm bảo cả về chất và lượng
- Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo với tầm nhìn hoạch định nhân sự cốt lõi cho giai đoạn 2019-2024
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó CBCNV
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của CBCNV

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2020 Công ty không triển khai đầu tư dự án mới.

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tăng trưởng 2020/2019
----------	----------------	----------------	-----------------------

Doanh thu thuần	4.083	4.632	-11,85%
Lợi nhuận sau thuế	53	54	-2,08%
Tổng tài sản	1.530	1.750	-12,57%
Vốn chủ sở hữu	573	561	2,14%

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ, giảm 12% so với cùng kỳ do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 53 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận tăng mạnh do trong năm, công ty đã chủ động tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt mảng thương mại áp dụng chính sách mới, nhập hàng khi có đơn đặt hàng, giảm hàng tồn kho, cùng với đẩy mạnh xuất khẩu.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 là 1.530 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ, chủ yếu là do trong năm Công ty giảm các khoản nợ phải trả.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 573 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng thời điểm năm 2019.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2020	2019
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,08	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,86	0,86
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,63	0,68
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,67	2,60
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng/năm	12,79	11,44
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng/năm	18,75	18,24
Vòng quay khoản phải trả	Vòng/năm	10,03	7,67

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2020	2019
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Biên lợi nhuận gộp	%	6,74%	5,16%
Biên lợi nhuận ròng	%	1,3%	1,17%
ROE	%	8,38%	8,69%
ROA	%	2,29%	2,63%

- Trong năm 2020, Công ty giảm nợ vay ngắn hạn nên các chỉ số về khả năng thanh toán được cải thiện.
- Trong kỳ do Công ty tái cơ cấu nguồn vốn, giảm nợ dài hạn nên các chỉ số phản ánh sức khỏe tài chính tốt hơn.
- Vòng quay phải thu tăng cho thấy công ty tăng cường quản lý công nợ trong năm. Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ do công ty giảm tồn kho nguyên vật liệu trong kỳ.
- Biên lợi nhuận được cải thiện do Công ty thực hiện tối ưu hóa chi phí.

## 5. Cơ cấu cổ đông

### a) Thông tin cổ phiếu

- Mã cổ phiếu: HII
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 30.635.000.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần niêm yết: 30.635.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 30.635.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

### b) Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2021)

- Theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông sở hữu trên 5%	20.351.113	63,54%	0	0	20.351.113	63,54%

Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	7.963.346	24,86%	0	0	7.963.346	24,86%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	3.300.204	10,30%	412,837	1,29%	3.713.041	11,59%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.614.663</b>	<b>98,71%</b>	<b>412,837</b>	<b>1,29%</b>	<b>32.027.500</b>	<b>100%</b>

- Theo thành phần sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	0	0	0	0	0	0
Cổ đông nội bộ	90.942	0,28%	0	0	90.942	0,28%
Các cổ đông khác	31,523,721	98,43%	48.841	0,18%	31.936.558	99,69%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.614.663</b>	<b>98,71%</b>	<b>412.837</b>	<b>1,29%</b>	<b>32.027.500</b>	<b>100%</b>

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông cá nhân	7.465.872	23,31%	53.378	0,17%	7.519.250	23,48%
Cổ đông tổ chức	24.148.791	75,40%	359.459	1,12%	24.508.250	76,52%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.614.663</b>	<b>98,71%</b>	<b>412.837</b>	<b>1,29%</b>	<b>32.027.500</b>	<b>100%</b>

- Thông tin cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Nhựa An Phát Xanh	20.351.113	63,54%

- Sở hữu của cổ đông nội bộ

Đối tượng	Họ và tên – Chức vụ	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu
-----------	---------------------	----------------------------	--------------

HĐQT	Đình Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT	90.942	0,28%
	Đoàn Minh Đức – Thành viên HĐQT	0	0
	Vũ Thanh Bình – Thành viên HĐQT	0	0
	Phạm Đỗ Huy Cường – Thành viên HĐQT	0	0
	Nguyễn Trung Kiên – Thành viên HĐQT	0	0
BĐH	Nguyễn Thị Thu Nhân – Kế toán trưởng	0	0
	Đặng Thị Quỳnh Phương – Tổng Giám đốc	0	0
BKS	Nguyễn Thị Huyền – Trưởng BKS	0	0
	Đặng Thị Xuê – Thành viên BKS	0	0
	Hoàng Phương Hằng – Thành viên BKS	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty phát hành 4.177.500 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 278.500.000.000 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019 lên 320.275.000.000 đồng tại ngày 31/12/2020.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e) Chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tiêu thụ chính trong năm bao gồm: 6.695 tấn hạt nhựa và 61.923 tấn bột đá.

Nguồn nguyên liệu làm bột đá của An Tiến là đá vôi trắng CaCO<sub>3</sub> được khai thác và chọn lựa trực tiếp từ mỏ đá Lục Yên và Mông Sơn. Đây là 2 mỏ đá có trữ lượng lớn, được đánh giá có chất lượng và số lượng lớn nhất, tốt nhất khu vực Đông Nam Á.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện các cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về công tác xử lý chất thải, Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

- Chất thải thông thường: Vận chuyển và xử lý tại công ty xử lý rác thải Nam Thành
- Chất thải Nguy hại:

- Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải: Nghiền phân tách, hóa rắn
  - Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải: Lắng tách nước, tận dụng làm nguyên liệu đốt
  - Dầu mẫu que hàn: Hóa rắn
  - Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại: thiêu đốt
  - Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử: Phá dỡ, thu hồi, chất thải phát sinh thiêu huỷ trong lò đốt, hóa rắn
  - Các loại sập và mỡ thải: Phối trộn thiêu đốt
- Nước thải sản xuất: Tuần hoàn không phát sinh ra môi trường.
  - Nước thải sinh hoạt: Qua các bể phốt và đưa vào rãnh chung của Khu công nghiệp.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2020, lượng điện tiêu thụ của HII giảm nhẹ so với năm 2019. Công ty đã đưa ra chính sách tiết kiệm điện đối với toàn thể CBCNV. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của HII là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, HII luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020
Lượng điện tiêu thụ	Nghìn KWh	9.243	17.474	16.598

### 6.3. Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch KCN phía Nam thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với lượng nước sử dụng như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020
Lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	18.442	18.022	17.957

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tại ngày 31/12/2020, HII có tổng cộng 245 lao động. Mức lương trung bình là 8 triệu đồng/tháng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

HII luôn nỗ lực tạo điều kiện tốt nhất về vật chất tinh thần, sức khỏe và an toàn cho CBCNV.

**Về công tác Phòng chống dịch bệnh Covid-19:** Công ty áp dụng nhiều biện pháp ứng phó với dịch bệnh đeo khẩu trang, sát khuẩn tay và đo thân nhiệt hàng ngày; tuyên truyền, cập nhật thường xuyên thông tin về tình hình dịch bệnh tại các địa phương; quản lý chặt chẽ hành trình công tác và hạn chế các hoạt động tập thể, đảm bảo khoảng cách tối thiểu 2m cho nhân viên làm việc tại nhà máy; kiểm tra thân nhiệt và yêu cầu 100% nhân viên sát khuẩn tay trước và sau ca sản xuất, trước và sau ca ăn.

**Về công tác Phòng cháy chữa cháy:** Trong suốt 10 năm hình thành và phát triển, HII luôn rất quan tâm công tác Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và Cứu nạn cứu hộ (CNCH). Ngay từ khi xây dựng, dự án thiết kế kỹ thuật đã được các sở ban ngành phê duyệt để triển khai xây dựng đồng bộ. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ các quy định, tập huấn, hướng dẫn và kiểm tra kiểm soát định kỳ đảm bảo hệ thống luôn sẵn sàng khi có sự cố xảy ra, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại có thể.

**Về vệ sinh an toàn lao động:** HII thường xuyên tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) cho toàn thể cán bộ, công nhân viên với các nội dung: (1) Quán triệt mục đích, ý nghĩa công tác ATVSLĐ; những quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động như quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động; (2) Chính sách, chế độ bảo hộ lao động đối với người lao động; huấn luyện những kiến thức chung về ATVSLĐ; những yêu cầu về ATVSLĐ tại đơn vị; các yêu cầu về ATVSLĐ khi thực hiện công việc được giao; và (3) Cách xử lý tình huống và các phương pháp sơ cứu người bị tai nạn trong quá trình lao động.

**Về chăm lo đời sống, khích lệ phong trào thể dục thể thao nâng cao sức khỏe cho**

**CBCNV** : Tháng 6/2020, HII tổ chức Giải bóng đá cúp An Tiến 2020. Giải đấu đã cống hiến những trận cầu nảy lửa, đầy kịch tính, đem lại nhiều cung bậc cảm xúc cho người hâm mộ. Hoạt động thường niên này đã giúp tập thể CBCNV Công ty thêm gắn kết, nâng cao ý thức rèn luyện sức khỏe. Đồng thời Công ty cũng tổ chức các chương trình thăm hỏi, trao quà cho gia đình các CBCNV bị thiệt hại do mưa lũ tháng 4/2020 và các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn vào tháng 5/2020. Sự quan tâm kịp thời, thiết thực này đã thể hiện một nét đẹp văn hóa truyền thống nhân văn sâu sắc, tinh thần “tương thân, tương ái” cùng giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn của Công ty.

**Về đảm bảo chính sách xã hội cho người lao động:** Công ty luôn tuân thủ các chính sách mà pháp luật quy định liên quan đến BHXH. Người lao động khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty đều được công ty ký hợp đồng lao động và thực hiện đăng ký nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng tỷ lệ trích nộp mà pháp luật quy định.

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2020, khắc phục những khó khăn do dịch bệnh, Công ty duy trì triển khai các khóa đào tạo nội bộ. Trong đó, ngoài các lớp đào tạo kiến thức chuyên môn như đào tạo kiến thức sản phẩm của HII, sản phẩm AnEco, đào tạo quản lý sản xuất,... công ty còn tổ chức các lớp học văn hóa, kỹ năng như Đào tạo văn hóa, nội quy, chính sách, 5S cho nhân viên mới; đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm Teams và Office 365; huấn luyện định kỳ về PCCC; đào tạo An toàn vệ sinh lao động; đào tạo hướng dẫn bảo mật thông tin Tập đoàn,... Các hoạt động đào tạo được tổ chức theo cả hình thức tại chỗ và trực tuyến, đảm bảo hiệu quả cho các hoạt động đào tạo.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Ý thức được sự bền vững của doanh nghiệp luôn gắn liền với ý thức trách nhiệm với cộng đồng, HII luôn tích cực tham gia các chương trình xã hội với các mục tiêu chính xóa đói giảm nghèo, uơm mầm tài năng trẻ, tri ân người có công. Trong năm 2020, HII đã thực hiện các chương trình sau:

**Trao quà tài trợ cho "Cuộc thi Ý tưởng khởi Ý tưởng khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên tỉnh Yên Bái lần thứ nhất".** Đây là cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở khoa học và Công nghệ, Hội doanh nhân trẻ tổ chức, thu hút nhiều ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo biệt từ các bạn học sinh, sinh viên trên địa bàn toàn tỉnh. Các dự án có tính thực tế cao, mang lại giá trị cho khách hàng, cộng đồng và xã hội, đồng thời có tính khả thi trong sản xuất kinh doanh và giá trị khác biệt. An Tiến Industries hân hạnh đồng hành tài trợ cho cuộc thi để phát triển sân chơi lành mạnh, tư duy tiềm năng sáng tạo, dám nghĩ dám làm của tuổi trẻ Yên Bái.

**Chút tấm lòng trao đi – Bao yêu thương ở lại:** Trước thềm năm mới Xuân Tân Sửu 2021, CTCP An Tiến Industries đã trao phần quà tới các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt



của trường TH&THCS Văn Phú và cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn. Những món quà tuy không lớn nhưng là niềm động viên tinh thần to lớn và mong muốn đem đến Tết đầm ấm an vui tới các em học sinh và cán bộ nhân viên trong dịp tết cổ truyền của dân tộc. Đây là hoạt động thường niên của An Tiến Industries, không chỉ thể hiện một nét đẹp văn hóa truyền thống, tinh thần tương thân tương ái mà còn là sự quan tâm đặc biệt của công ty đến đời sống tinh thần của CBCNV và người có hoàn cảnh khó khăn.

**Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng:** Chăm lo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng là chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Xác định rõ điều đó, nhiều năm nay, HII cũng góp chút sức mình trong việc phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng tại tỉnh Yên Bái, thể hiện sự tri ân sâu sắc công lao to lớn của các Mẹ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Tham gia quỹ Tấm lòng vàng Công đoàn:** HII chung tay chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn đặc biệt của các CBCNV, mong muốn tinh thần tương thân tương ái, những nghĩa cử cao đẹp sẽ được toàn thể mọi người trong Công ty gìn giữ và phát huy để HII thực sự trở thành Ngôi nhà thứ 2 ấm áp tình người đối với mỗi CBCNV.

#### IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

##### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng 2020/2019
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.300	4.083	123,72%	-11,85%
LNST (tỷ đồng)	60	53	88,28%	-2,08%

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, mảng thương mại đóng góp 3.347 tỷ ( giảm 14% so với cùng kỳ), mảng sản xuất đóng góp 604 tỷ ( giảm 5% so với cùng kỳ). Dịch Covid-19 không ảnh hưởng nhiều đến sản lượng sản xuất và thương mại, trong đó sản lượng sản xuất CaCO<sub>3</sub> và filler đạt 103 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ, song doanh thu giảm là do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể từ 2,5% năm 2019 lên 3,7% đối với mảng thương mại và từ 20,1% lên 22,8% năm 2020 đối với mảng sản xuất. Trong năm, công ty đã chủ động tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt mảng thương mại áp dụng chính sách mới, nhập hàng khi có đơn đặt hàng, giảm hàng tồn kho, cùng với đẩy mạnh xuất khẩu khiến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 53 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2019, hoàn thành 88,3% kế hoạch năm.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

TT	TÀI SẢN	31/12/2020	31/12/2019
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.005.816.419.604</b>	<b>1.127.182.040.261</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	67.128.991.364	54.932.449.838
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.000.000.000	328.727.348.767
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	600.073.835.143	481.589.108.549
4	Hàng tồn kho	205.217.620.149	200.838.471.256
5	Tài sản ngắn hạn khác	59.395.972.948	61.094.661.851
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>524.639.231.885</b>	<b>622.732.261.656</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	69.305.612.924	78.957.601.207
2	Tài sản cố định	373.886.564.795	420.959.240.323
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	57.635.263.377	93.559.449.802
5	Tài sản dài hạn khác	23.811.790.789	29.255.970.324
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.530.455.651.489</b>	<b>1.749.914.301.917</b>

Trong năm tổng tài sản của Công ty giảm chủ yếu là do Công ty giảm nợ vay đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn để trả nợ vay.

### b) Tình hình nợ phải trả

TT	NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2020	31/12/2019
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>930,585,106,681</b>	<b>1,078,677,655,464</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	303,084,584,390	456,296,943,958
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	51,504,043,907	55,185,996,618
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,240,318,966	5,847,802,322
4	Phải trả người lao động	5,481,023,843	5,787,471,829
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1,659,593,920	2,320,823,133
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	55,000,000	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20,064,681,883	2,138,680,056
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	543,630,993,170	550,890,185,236
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	864,866,602	209,752,312
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>26,413,239,000</b>	<b>110,014,450,000</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>956,998,345,681</b>	<b>1,188,692,105,464</b>

Tình hình vay nợ của Công ty được cải thiện rõ rệt. Phải trả người bán và vay nợ cả ngắn và dài hạn đều giảm. Tuy nhiên Công ty trích lập 12 tỷ dự phòng phải thu khó đòi.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

- BDH đã triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết tuần, tháng, quý cho các Nhà máy, từng Phòng ban, theo dõi sát việc thực hiện các chỉ tiêu, xử lý kịp thời những phát sinh, khó

khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả, giảm chi phí. Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường duy trì được ổn định và phát triển. Hàng tuần đều có các cuộc họp giao ban đánh giá chỉ tiêu của Ban giám đốc Công ty.

- BĐH kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả khả quan.
- BĐH tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu nợ kéo dài và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Theo dõi sát tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường, các khách hàng của Công ty, để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

#### ***Công tác quản trị tài chính***

- Công ty luôn thực hiện minh bạch trong các hoạt động tài chính, đầu tư, mua bán cũng như nhập nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm. BĐH đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo xây dựng các dự án của Công ty, đặc biệt là tìm kiếm các đối tác, nhà thầu đủ uy tín, năng lực và giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng đảm bảo thi công công trình đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và tiết kiệm ngân sách Công ty.
- BĐH và Phòng Kế toán - Tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động tài chính Công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán ghi nhận những chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, lưu chuyển tiền tệ của Công ty.
- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí đối với cơ quan Nhà nước

### **4. Kế hoạch phát triển năm 2021**

#### ***a. Định hướng chung***

- Trọng tâm sản xuất kinh doanh:
  - Ổn định sản lượng AnCal PE, liên tục cải tiến chất lượng, công thức để tối ưu hóa lợi nhuận.
  - Không ngừng tăng sản lượng AnCal PP có biên lợi nhuận cao
  - Đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm hạt phụ gia tự hủy (AnCal Bio), đây là sản phẩm cao cấp sử dụng cho bao bì tự hủy, nhu cầu ngày càng tăng với biên lợi nhuận lớn
  - Từng bước nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm: phát triển AnCal cao cấp để tăng biên lợi nhuận và mở ra thị trường cao cấp tương lai
  - Tăng trưởng sản lượng bột đá bán ra ngoài, tối ưu hóa giá thành và lợi nhuận nhà máy

bột đá.

- Phát triển mạnh các thị trường xuất khẩu có biên lợi nhuận cao
- Hướng đến mục tiêu “Xanh”
  - Tăng sản phẩm AnCal Bio thân thiện với môi trường
  - Tăng sản lượng AnCal PP, vải không dệt, vải bạt ít tác động hơn tới môi trường
  - Tối ưu hóa toàn bộ hệ thống sản xuất nhằm giảm thiểu nhất các tác động tới môi trường: chi phí điện, nước, quản lý 5S bụi, quy trình xử lý rác thải tối ưu...

#### ***b. Kế hoạch mở rộng quy mô***

Năm 2021, HII định hướng tập trung nâng cao năng lực các nhà máy:

- Tối ưu hóa nhà máy sản xuất bột đá và hạt nhựa
- Mở rộng kho, tối ưu hóa diện tích kho
- Cân nhắc mua thêm 2 máy Ancal nếu sản lượng đạt tối đa và biên lợi nhuận được duy trì.
- Sản lượng tiêu thụ đạt 130.000 tấn bột đá/tháng.

#### ***c. Kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm***

- Thay đổi cơ cấu sản phẩm: chuyển dịch sang các dòng sản phẩm biocompound thân thiện với môi trường có biên lợi nhuận tốt và các sản phẩm compound nhựa kỹ thuật có giá trị cao.
- Cải tạo, cải tiến nhà máy, cải tiến quy trình: Tiếp tục thực hiện từ quý 1, tập chung cải tiến quy trình Kho và tối ưu nhân sự sản xuất nhà máy nhựa.
- Nghiên cứu phát triển: Nghiên cứu và hoàn thiện Ancal Bio, nghiên cứu các mã màu trắng và Ancal trong cạnh tranh hơn, nghiên cứu và phát triển Ancal cao cấp (Compound thấp cấp) dùng cho cáp quang.

#### ***d. Kế hoạch nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh***

- Giải pháp tiết kiệm chi phí
  - Nhân sự: Tối ưu hóa số lượng nhân sự nhà máy nhựa.
  - NVL: Tiếp tục tìm các nguồn NVL giá cạnh tranh hơn và phù hợp với từng phân khúc sản phẩm. Tối ưu hóa các chi phí khác: bao bì, pallet...
- Giải pháp tài chính:
  - Sử dụng hiệu quả nguồn tiền, kiểm soát công nợ quá hạn, kiểm soát tồn kho NVL và tồn kho thành phẩm
  - Mở rộng liên kết với các đối tác tài chính trong và ngoài nước.

### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Luôn xác định trách nhiệm của doanh nghiệp gắn với việc bảo vệ tài nguyên môi trường, HII ưu tiên việc đầu tư thiết bị công nghệ nhằm kiểm soát tốt các vấn đề môi trường, xử lý triệt để các loại chất thải, khí thải phát sinh, liên tục đưa ra các sáng kiến, hệ thống tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Đối với CBCNV trong Công ty, trong năm HII đã thực hiện tốt các mục tiêu: Tạo được môi trường làm việc thân thiện, an toàn, không phân biệt đối xử; Khuyến khích, tạo điều kiện cho CBCNV phát huy hết khả năng sáng tạo; Cơ hội đào tạo, thăng tiến công bằng; Đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Đối với cộng đồng, HII đã tích cực hỗ trợ các công trình phúc lợi tại địa phương, thực hiện trách nhiệm xã hội bằng nhiều hình thức, sản xuất kinh doanh gắn với tích cực bảo vệ môi trường.

**V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng 2020/2019
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.300	4.083	123,72%	-11,85%
LNST (tỷ đồng)	60	53	88,28%	-2,08%

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, mảng thương mại đóng góp 3.347 tỷ ( giảm 14% so với cùng kỳ), mảng sản xuất đóng góp 604 tỷ ( giảm 5% so với cùng kỳ). Dịch Covid-19 không ảnh hưởng nhiều đến sản lượng sản xuất và thương mại, trong đó sản lượng sản xuất CaCO<sub>3</sub> và filler đạt 103 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ, song doanh thu giảm là do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể từ 2,5% năm 2019 lên 3,7% đối với mảng thương mại và từ 20,1% lên 22,8% năm 2020 đối với mảng sản xuất. Trong năm, công ty đã chủ động tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt mảng thương mại áp dụng chính sách mới, nhập hàng khi có đơn đặt hàng, giảm hàng tồn kho, cùng với đẩy mạnh xuất khẩu khiến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 53 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2019, hoàn thành 88,3% kế hoạch năm.

Trong năm 2020, Công ty cũng đã đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn trong sản xuất và duy trì các công tác xã hội hướng tới cộng đồng, giúp đỡ người dân địa phương, đồng thời áp dụng các sáng kiến tối ưu nguồn nguyên vật liệu và tuân thủ nghiêm

ngặt các quy trình xử lý chất thải để bảo vệ môi trường.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị đã thường trực bám sát hoạt động hàng ngày và trên các lĩnh vực hoạt động của Công ty, trực tiếp chỉ đạo giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án.... Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc thường trực hầu hết thời gian tại Công ty, trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2021, Công ty Cổ phần An Tiến Industries dự kiến tiếp tục phát huy thế mạnh, nâng cao vị thế trong mọi lĩnh vực hoạt động.

**Về định hướng chung**, cùng với xu hướng trên thế giới bắt đầu dịch chuyển tiêu thụ các sản phẩm nhựa mang hàm lượng kỹ thuật cao thay thế các loại nhựa thông thường, Công ty định hướng sẽ sản xuất nguyên liệu cao phục vụ ngành công nghiệp nhựa kỹ thuật của Tập đoàn nói riêng, và ngành nhựa nói chung. Sản phẩm tạo ra giá trị bền vững cho ngành nhựa, thân thiện với môi trường và bảo vệ lợi ích con người.

**Về quy mô**, chú trọng tăng quy mô sản xuất lên 130.000 tấn hạt nhựa và bột đá, đồng thời mở rộng thị trường kinh doanh xuất khẩu.

**Về chất lượng sản phẩm**, Công ty tập trung đầu tư cho công tác Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm, đầu tư công nghệ hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất, tập trung sản xuất các loại compound chất lượng cao cho nhà máy nhựa kỹ thuật của Tập đoàn, và đặc biệt là compound bio cho sản xuất các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường.

**Về hiệu quả sản xuất kinh doanh**, Công ty tiếp tục hợp tác sâu rộng với các đơn vị lớn trong ngành vừa sở hữu nhiều mô cũng như hệ thống nhà xưởng hiện đại, tăng cường đảm bảo về chất lượng của nguồn nguyên liệu đầu vào; cải thiện hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính; thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ thông qua các hoạt động giám sát tuân thủ đối với các phòng ban, nhà máy nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả.

Qua đánh giá môi trường kinh doanh cũng như xem xét năng lực hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị đã xem xét và thận trọng đưa ra kế hoạch hoạt động trong năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	4.000
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	70
3	Dự kiến cổ tức năm 2020	10-15%

## VI. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Các thành viên Hội đồng quản trị

Đã nêu tại Mục II.2

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT tiến hành 12 cuộc họp HĐQT với tỷ lệ dự họp là 100%, ban hành 13 nghị quyết, quyết định nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020 và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

#### *Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HĐQT*

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Đinh Xuân Cường	12	100%	
2	Ông Vũ Thanh Bình	12	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Kiên	9	100%	
4	Ông Nguyễn Hữu Long	3	100%	
5	Ông Phạm Đỗ Huy Cường	12	100%	
6	Ông Đoàn Minh Đức	12	100%	

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu

của cổ đông, phân công HĐQT, tổ chức các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với nhà đầu tư.

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2020:

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	1301/2020/NQ - HĐQT	13/01/2020	Đăng ký văn phòng hoạt động của Công ty tại Hà Nội
2	040201/2020/NQ - HĐQT	04/02/2020	Về việc chuẩn bị tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020
3	040301/2020/NQ - HĐQT	04/03/2020	Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020
4	2303/2020/NQ - HĐQT	23/03/2020	Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín
5	060601/2020/NQ- HĐQT	06/06/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020
6	200802/2020/NQ - HĐQT	20/08/2020	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc thường trực
7	200803/2020/NQ - HĐQT	20/08/2020	Thông qua việc bổ nhiệm người đứng đầu VPĐD Công ty tại Hà Nội
8	200801/2020/NQ - HĐQT	20/08/2020	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Quyền Phó Tổng Giám đốc và người đứng đầu văn phòng đại diện tại Hà Nội
9	210801/2020/NQ – HĐQT	21/08/2020	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu
10	231001/2020/NQ- HĐQT	23/10/2020	Thông qua việc tăng vốn và thay đổi đăng ký doanh nghiệp
11	161101/2020/NQ - HĐQT	16/11/2020	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc



12	161102/2020/NQ - HĐQT	16/11/2020	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc
13	151201/2020/NQ - HĐQT	15/12/2020	Thông qua việc thay thế người phụ trách quản trị Công ty

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Đã nêu tại Mục II.2

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp và thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh; Báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ/năm;
- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, Ban TGD;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT;
- Giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ so với kế hoạch được phê duyệt, phát hiện, cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn (nếu có);
- Giám sát hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn;
- Giám sát tình hình phân phối lợi nhuận, quyết toán quỹ lương, công tác kiểm kê, tiết giảm chi phí;
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ tài chính của Công ty đối với nhà nước và người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiêu chí	Mức thù lao năm 2020
<b>I. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị</b>	<b>156.000.000</b>
1. Thù lao cho Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2. Thù lao cho các thành viên khác của HĐQT	96.000.000

<b>II. Mức thù lao cho Ban kiểm soát</b>	<b>48.000.000</b>
1. Thù lao cho Trưởng BKS	24.000.000
2. Thù lao cho các thành viên khác của BKS	24.000.000

Ngoài các khoản tiền lương và thù lao, các thành viên HĐQT; BKS, BDH còn được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Thành viên HĐQT, BKS; BDH và người thân được kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm hai lần theo gói khám sức khỏe đặc biệt tại phòng khám đa khoa VIP 12. Chi phí khám sức khỏe do Công ty thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế.
- Bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng gói Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và người thân do Công ty chi trả.
- Phụ cấp điện thoại di động: mỗi thành viên HĐQT; BKS; BDH được Công ty thanh toán cước điện thoại di động theo chi phí phát sinh thực tế do có thể sử dụng điện thoại cá nhân để phục vụ cho công việc.
- Ưu đãi khi sử dụng dịch vụ của các Công ty thành viên: thành viên HĐQT; BKS, BDH được miễn phí hoặc giảm giá khi sử dụng các dịch vụ của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Chế độ đi công tác: thành viên HĐQT; BKS và BDH đi công tác đường hàng không được sử dụng hạng thương gia, có xe ô tô riêng đưa đón tại sân bay và phục vụ công việc. Thành viên HĐQT; BKS và BDH được thanh toán công tác phí theo chi phí phát sinh thực tế phù hợp với nội dung công việc.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Người liên quan với cổ đông nội bộ	14.200.000	50,99%	20.351.113	63,54%	Mua trên sàn tăng tỷ lệ sở hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu

c) Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông

lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

*Xem tại BCTC kiểm toán năm 2020 gửi kèm.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT, BDH thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định chiến lược và định hướng phát triển công ty. Trong đó, HĐQT, BDH đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền một cách đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

## **VII. Báo cáo tài chính**



## **Công ty Cổ phần An Tiến Industries**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 51

# Công ty Cổ phần An Tiên Industries

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiên Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 162031000005 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là lần thứ 5 ngày 25 tháng 11 năm 2020 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 13 ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, chế biến đá và các sản phẩm từ đá, xây dựng, vận tải, bán buôn và bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch	
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên	
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Đoàn Minh Đức	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Xue	Thành viên
Bà Hoàng Phương Hằng	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Quỳnh Phương, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần An Tiên Industries

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiên Industries ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Đặng Thị Quỳnh Phương  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61515944/21893703 - HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần An Tiến Industries**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1



Nguyễn Hoàng Linh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.005.816.419.604</b>	<b>1.127.182.040.261</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>67.128.991.364</b>	<b>54.932.449.838</b>
111	1. Tiền		39.628.991.364	52.932.449.838
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.500.000.000	2.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>74.000.000.000</b>	<b>328.727.348.767</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	59.670.020.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		74.000.000.000	269.057.328.767
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>600.073.835.143</b>	<b>481.589.108.549</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	308.205.095.822	330.279.016.842
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	245.770.516.421	86.668.673.844
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	9.823.500.000	33.060.006.849
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	48.021.428.600	31.581.411.014
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(11.746.705.700)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>205.217.620.149</b>	<b>200.838.471.256</b>
141	1. Hàng tồn kho		205.609.598.354	201.190.940.960
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(391.978.205)	(352.469.704)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>59.395.972.948</b>	<b>61.094.661.851</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	7.748.001.716	7.570.872.873
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		50.554.992.300	52.188.535.749
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.092.978.932	1.335.253.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>524.639.231.885</b>	<b>622.732.261.656</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>69.305.612.924</b>	<b>78.957.601.207</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	32	20.157.819.337	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	48.005.000.000	75.700.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	1.142.793.587	3.257.601.207
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>373.886.564.795</b>	<b>420.959.240.323</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	360.348.942.829	407.409.714.799
222	Nguyên giá		536.651.515.211	537.380.085.940
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(176.302.572.382)	(129.970.371.141)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	13.537.621.966	13.549.525.524
228	Nguyên giá		16.756.274.836	16.349.236.836
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.218.652.870)	(2.799.711.312)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>57.635.263.377</b>	<b>93.559.449.802</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	27.635.263.377	15.179.449.802
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	30.000.000.000	78.380.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>23.811.790.789</b>	<b>29.255.970.324</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	23.811.790.789	29.255.970.324
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.530.455.651.489</b>	<b>1.749.914.301.917</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>957.207.055.681</b>	<b>1.188.692.105.464</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>930.793.816.681</b>	<b>1.078.677.655.464</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	303.084.584.390	456.296.943.958
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	51.504.043.907	55.185.996.618
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.449.028.966	5.847.802.322
314	4. Phải trả người lao động		5.481.023.843	5.787.471.829
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.659.593.920	2.320.823.133
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		55.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	20.064.681.883	2.138.680.056
320	8. Vay ngắn hạn	21	543.630.993.170	550.890.185.236
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	864.866.602	209.752.312
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>26.413.239.000</b>	<b>110.014.450.000</b>
338	1. Vay dài hạn	21	26.413.239.000	110.014.450.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23</b>	<b>573.248.595.808</b>	<b>561.222.196.453</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>573.248.595.808</b>	<b>561.222.196.453</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		320.275.000.000	278.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.275.000.000	278.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		54.103.900.000	54.103.900.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.007.294.337)	(337.778.069)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.568.347.223	9.448.325.062
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.564.926.542	1.564.926.542
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.934.023.554	113.780.479.140
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		57.759.310.695	67.647.201.417
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		43.174.712.859	46.133.277.723
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		84.809.692.826	104.162.343.778
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.530.455.651.489</b>	<b>1.749.914.301.917</b>

Nguyễn Thị Thu Nhân  
Người lập kiểm kế toán trưởng


Đặng Thị Quỳnh Phương  
Tổng Giám đốc


Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.090.796.968.262	4.642.259.702.391
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(8.067.337.510)	(10.672.181.036)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.082.729.630.752	4.631.587.521.355
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(3.807.621.400.340)	(4.392.657.951.351)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.108.230.412	238.929.570.004
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	39.507.243.673	61.348.559.185
22	7. Chi phí tài chính	27	(46.878.165.604)	(66.879.478.300)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(41.272.379.982)	(57.113.357.924)
24	8. Lãi/(lỗ) thuần trong công ty liên kết		3.091.813.575	(56.550.198)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(138.718.712.695)	(115.384.621.710)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(72.379.389.482)	(54.970.873.302)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.731.019.879	62.986.605.679
31	12. Thu nhập khác	29	988.127.066	1.858.076.279
32	13. Chi phí khác	29	(4.068.179.563)	(1.910.418.791)
40	14. Lỗ khác	29	(3.080.052.497)	(52.342.512)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.650.967.382	62.934.263.167
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(3.685.051.597)	(8.845.826.608)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		52.965.915.785	54.088.436.559
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		43.174.712.859	46.133.277.723
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.791.202.926	7.955.158.836
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.348	1.129
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.348	1.129

  
Nguyễn Thị Thu Nhân  
Người lập kiêm kế toán trưởng

  
Đặng Thị Quỳnh Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		56.650.967.382	62.934.263.167
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		48.879.040.531	46.820.446.379
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		11.786.214.201	(2.398.047.827)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		770.706.542	1.826.789.959
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.230.055.726)	(56.106.204.694)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		41.532.379.982	57.373.357.924
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		129.389.252.912	110.450.604.908
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(175.374.879.081)	137.194.566.196
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(4.418.657.394)	43.831.569.561
11	Giảm các khoản phải trả		(138.838.567.936)	(162.310.602.179)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		5.267.050.692	(9.095.157.658)
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		59.670.020.000	(59.670.020.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.644.119.382)	(57.626.717.177)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.260.133.376)	(4.389.349.235)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.864.885.872)	(7.751.478.491)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(181.074.919.437)	(9.366.584.075)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(1.827.215.080)	(73.716.500.674)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.336.363.637	7.924.373.637
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(241.300.300.000)	(692.685.463.805)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		535.646.135.816	636.438.454.963
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(31.214.000.000)	(15.236.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	89.039.042.569
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.112.754.943	26.586.051.811
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		293.753.739.116	(21.650.041.499)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.711.767.737.918	2.615.136.558.065
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.803.678.472.042)	(2.665.982.525.084)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.900.000.000)	(11.760.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(99.810.734.124)	(62.605.967.019)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.868.085.555	(93.622.592.593)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.932.449.838	148.931.866.434
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(671.544.029)	(376.824.003)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	67.128.991.364	54.932.449.838



Nguyễn Thị Thu Nhân  
Người lập kiểm kê toán trưởng



Đặng Thị Quỳnh Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 162031000005 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là lần thứ 5 ngày 25 tháng 11 năm 2020 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 13 ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, chế biến đá và các sản phẩm từ đá, xây dựng, vận tải, bán buôn và bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 484 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 563 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019 : 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	69,26%	69,26%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	70%	70%	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Vận tải hàng hóa bằng đường ven biển và biển dương
3	Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD ("Công ty An Thành Singapore")	100%	100%	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty và các công ty con nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty và các công ty con thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ;
- ▶ Trả trước thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh lớn;
- ▶ Phí bảo hiểm; và
- ▶ Các chi phí khác.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Lê Việt vào năm 2018 trong thời hạn 37 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê

**3.10 Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích hợp nhất, báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của công ty con ở nước ngoài sẽ được chuyển đổi sang VND dựa trên:

- ▶ Báo cáo tài chính được trình bày bằng ngoại tệ và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ Hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Thông tư 200/2014-TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi mất quyền kiểm soát trong công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn góp của chủ sở hữu trong tương lai.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên việc chế biến đá và các sản phẩm từ đá; kinh doanh hạt nhựa và cung cấp dịch vụ vận chuyển. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo đối tượng khách hàng ở nước ngoài hay trong nước.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**4. GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TRỌNG YẾU TRONG KỲ**

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 1.900.000 cổ phần (tương ứng với 19% tỷ lệ lợi ích) của Công ty Cổ phần Liên vận An Tín từ Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings với tổng giá phí là 21.850.000.000 VND. Thông qua giao dịch này, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Liên vận An Tín từ 51% lên 70%.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	639.882.382	763.366.141
Tiền gửi ngân hàng	38.989.108.982	48.946.700.867
Tiền đang chuyển	-	3.222.382.830
Các khoản tương đương tiền (*)	27.500.000.000	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.128.991.364</b>	<b>54.932.449.838</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, với lãi suất từ 3%/năm đến 4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
Công ty TLC Korea (*)	-	-	-	59.670.020.000	59.670.020.000	-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	63.000.000.000	63.000.000.000	-	250.452.328.767	250.452.328.767	-
Trái phiếu (***)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	18.605.000.000	18.605.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.000.000.000</b>	<b>74.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>328.727.348.767</b>	<b>328.727.348.767</b>	<b>-</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 93.673 cổ phần trong Công ty TLC Korea với tổng giá phí chuyển nhượng là 2.852.000 USD, tương đương với 59.670.020.000 VND;

(\*\*) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 5,5%/năm đến 8%/năm); và

(\*\*\*) Đây là khoản đầu tư trái phiếu ngắn hạn vào Công ty Cổ phần An Phát Finance và Công ty Cổ phần Aruza với mục đích bán lại và thu lợi nhuận trong năm 2021.

Một số tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với tổng số tiền khoảng 3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 144 tỷ VND) đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Phải thu từ khách hàng	286.579.575.544	323.170.795.543	286.579.575.544	323.170.795.543
Đối tác Doanh nghiệp số 1	21.888.974.233	64.847.562.733	21.888.974.233	64.847.562.733
Các khoản phải thu khách hàng khác	264.690.601.311	258.323.232.810	264.690.601.311	258.323.232.810
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	21.625.520.278	7.108.221.299	21.625.520.278	7.108.221.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.205.095.822</b>	<b>330.279.016.842</b>	<b>308.205.095.822</b>	<b>330.279.016.842</b>
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.210.485.100)	-	(5.210.485.100)	-

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trả trước nhà cung cấp khác	154.032.505.351	86.660.254.120	154.032.505.351	86.660.254.120
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	91.738.011.070	8.419.724	91.738.011.070	8.419.724
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>245.770.516.421</b>	<b>86.668.673.844</b>	<b>245.770.516.421</b>	<b>86.668.673.844</b>
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.243.920.600)	-	(1.243.920.600)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn (*)</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Daisen	-	7.000.000.000
Khác	1.231.200.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	8.592.300.000	15.060.006.849
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.823.500.000</b>	<b>33.060.006.849</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.292.300.000)	-
<b>Dài hạn (**)</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	-	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	-	26.700.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	48.005.000.000	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.005.000.000</b>	<b>75.700.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn sẽ đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2021 và hưởng lãi suất từ 5% đến 6,5%/năm; và

(\*\*) Đây là các khoản cho vay tín chấp dài hạn sẽ đáo hạn từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 và hưởng lãi suất từ 5% đến 8,5%/năm.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Kỳ cược, kỳ quỹ	12.915.700.039	-	1.133.425.822	-
Tạm ứng	14.131.350.241	-	10.346.218.633	-
Lãi dự thu	9.680.724.967	-	13.703.912.134	-
Phải thu khác	11.293.653.353	-	6.397.854.425	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.021.428.600</b>	<b>-</b>	<b>31.581.411.014</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Kỳ cược, kỳ quỹ	1.142.793.587	-	3.257.601.207	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.142.793.587</b>	<b>-</b>	<b>3.257.601.207</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	9.898.808.219	-	5.753.479.858	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	39.265.413.968	-	29.085.532.363	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi được</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi được</i>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Phúc Hưng	8.338.103.600	4.169.051.800	-	-
Công ty TNHH Dalian Hualaite Trading	1.243.920.600	-	-	-
Khác	6.333.733.300	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.915.757.500</b>	<b>4.169.051.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	37.637.514.027	-	39.085.296.754	-
Nguyên vật liệu	33.253.146.845	-	59.937.292.176	-
Công cụ, dụng cụ	6.010.189.967	-	9.158.720.116	-
Thành phẩm	8.682.175.261	-	20.200.014.244	-
Hàng hoá	119.782.951.846	(391.978.205)	72.089.517.441	(352.469.704)
Hàng gửi đi bán	243.620.408	-	720.100.229	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>205.609.598.354</b>	<b>(391.978.205)</b>	<b>201.190.940.960</b>	<b>(352.469.704)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	352.469.704	2.750.517.531
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	39.508.501	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.398.047.827)
<b>Số cuối năm</b>	<b>391.978.205</b>	<b>352.469.704</b>

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

809-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố		Đơn vị tính: VND
					định hữu hình	khác	
Số đầu năm	168.611.641.008	226.879.838.447	133.157.560.666	6.564.191.273	2.166.854.546	537.380.085.940	
- Mua trong năm	-	1.041.110.320	938.120.000	382.770.000	-	2.362.000.320	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	325.015.945	-	-	-	-	325.015.945	
- Thanh lý	-	-	(3.415.586.994)	-	-	(3.415.586.994)	
Số cuối năm	168.936.656.953	227.920.948.767	130.680.093.672	6.946.961.273	2.166.854.546	536.651.515.211	
Trong đó:							
- Đã khấu hao hết	174.649.800	1.636.281.728	390.407.347	777.701.273	85.000.000	3.064.040.148	
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Số đầu năm	24.116.379.927	64.485.353.786	38.833.267.889	1.842.177.379	693.192.160	129.970.371.141	
- Khấu hao trong năm	7.649.987.855	24.543.555.022	15.263.032.909	895.098.037	108.325.150	48.460.098.973	
- Thanh lý	-	-	(2.127.897.732)	-	-	(2.127.897.732)	
Số cuối năm	31.766.367.782	89.029.008.808	51.968.403.066	2.737.275.416	801.517.310	176.302.572.382	
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Số đầu năm	144.495.261.081	162.394.484.661	94.324.292.777	4.722.013.894	1.473.662.386	407.409.714.799	
Số cuối năm	137.170.289.171	138.891.939.959	78.711.690.605	4.209.685.858	1.365.337.236	360.348.942.829	

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 264 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	15.926.986.836	422.250.000	16.349.236.836
- Mua trong năm	-	407.038.000	407.038.000
Số cuối năm	15.926.986.836	829.288.000	16.756.274.836
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	2.685.478.697	114.232.615	2.799.711.312
- Hao mòn trong năm	325.040.544	93.901.014	418.941.558
Số cuối năm	3.010.519.241	208.133.629	3.218.652.870
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	13.241.508.139	308.017.385	13.549.525.524
Số cuối năm	12.916.467.595	621.154.371	13.537.621.966

Một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 12,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Trong năm 2019, Công ty An Thành, công ty con của Công ty, đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise") và chiếm 48% vốn điều lệ trong công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con đã góp 24 tỷ VND vào Công ty Sunrise.

Trong năm 2020, Công ty An Tín, công ty con của Công ty, đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông") và chiếm 30% vốn điều lệ trong công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con này đã góp 600 triệu VND vào Công ty An Đông.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết này như sau:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ	Ngành nghề
Công ty Sunrise	33,24%	48%	Lô CN11+CN12, Cụm CN An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Công ty An Đông	21%	30%	Lô B1, Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Kinh doanh xăng, dầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Công ty An Đông	Công ty Sunrise	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư:</b>			
Số đầu năm	-	15.236.000.000	15.236.000.000
- Tăng giá trị đầu tư	600.000.000	8.764.000.000	9.364.000.000
Số cuối năm	600.000.000	24.000.000.000	24.600.000.000
<b>Phần lũy kế (lỗ)/lợi nhuận kể từ thời điểm mua:</b>			
Số đầu năm	-	(56.550.198)	(56.550.198)
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	-	3.091.813.575	3.091.813.575
Số cuối năm	-	3.035.263.377	3.035.263.377
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	-	15.179.449.802	15.179.449.802
Số cuối năm	600.000.000	27.035.263.377	27.635.263.377

**14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư trái phiếu (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	48.380.000.000	48.380.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>78.380.000.000</b>	<b>78.380.000.000</b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư trái phiếu như sau:

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương	30.000.000.000	Lãi trái phiếu được trả định kỳ 1 năm 1 lần, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn 29 tháng 6 năm 2028	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Không
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>			

Trái phiếu được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.907.573.708	4.615.973.563
Phí bảo hiểm và phí khác	1.362.603.893	1.429.238.300
Trả trước tiền thuê văn phòng	-	511.706.800
Chi phí bảo dưỡng xe	83.348.620	170.692.808
Các khoản khác	394.475.495	843.261.402
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.748.001.716</b>	<b>7.570.872.873</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.574.633.285	12.697.614.392
Tiền thuê đất trả trước	7.711.133.064	8.011.162.443
Chi phí sửa chữa lớn	579.740.315	5.307.346.554
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	2.484.466.585	1.645.617.402
Các khoản khác	461.817.540	1.594.229.533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.811.790.789</b>	<b>29.255.970.324</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	126.447.156.094	126.447.156.094	90.977.671.329	90.977.671.329
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 32)	176.637.428.296	176.637.428.296	365.319.272.629	365.319.272.629
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.084.584.390</b>	<b>303.084.584.390</b>	<b>456.296.943.958</b>	<b>456.296.943.958</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	51.504.043.907	19.998.728.004
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	-	35.187.268.614
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.504.043.907</b>	<b>55.185.996.618</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm/cần trừ</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.335.253.229	(242.274.297)	-	1.092.978.932
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.335.253.229</b>	<b>(242.274.297)</b>	<b>-</b>	<b>1.092.978.932</b>
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	418.976.337	74.999.914.556	(74.879.265.101)	539.625.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.143.986.558	3.442.777.300	(5.260.133.376)	3.326.630.482
Thuế thu nhập cá nhân	284.839.427	1.689.079.542	(1.525.825.725)	448.093.244
Thuế nhập khẩu	-	3.624.299.396	(3.624.299.396)	-
Các loại thuế, phí khác	-	461.815.237	(327.135.789)	134.679.448
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.847.802.322</b>	<b>84.217.886.031</b>	<b>(85.616.659.387)</b>	<b>4.449.028.966</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	1.659.593.920	2.031.333.320
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	-	289.489.813
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.659.593.920</b>	<b>2.320.823.133</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bảo hiểm và kinh phí công đoàn	175.600.724	99.252.670
Phải trả khác	2.458.436.973	2.039.427.386
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	17.430.644.186	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.064.681.883</b>	<b>2.138.680.056</b>

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng ngắn hạn	545.342.185.236	545.342.185.236	2.692.452.629.976	(2.749.625.022.042)	488.168.993.170	488.168.993.170		
Trái phiếu đến hạn trả	-	-	49.805.000.000	-	49.805.000.000	49.805.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	5.548.000.000	5.548.000.000	5.656.000.000	(5.548.000.000)	5.656.000.000	5.656.000.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>550.890.185.236</b>	<b>550.890.185.236</b>	<b>2.747.913.829.976</b>	<b>(2.755.173.022.042)</b>	<b>543.630.993.170</b>	<b>543.630.993.170</b>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng dài hạn	20.469.450.000	20.469.450.000	-	(14.053.450.000)	6.416.000.000	6.416.000.000		
Trái phiếu phát hành	89.545.000.000	89.545.000.000	260.000.000	(89.805.000.000)	-	-		
Vay cá nhân	-	-	19.997.239.000	-	19.997.239.000	19.997.239.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.014.450.000</b>	<b>110.014.450.000</b>	<b>20.257.239.000</b>	<b>(103.858.450.000)</b>	<b>26.413.239.000</b>	<b>26.413.239.000</b>		

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết vay ngân hàng ngắn hạn được trình bày như sau:

Các khoản vay	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Nguyên tệ EUR	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	218.058.041.898	-	-	Gốc vay đáo hạn từ ngày 12 tháng 1 năm 2021 đến ngày 23 tháng 5 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 6,5%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	262.784.658.396	11.319.606	-	Gốc vay đáo hạn từ ngày 7 tháng 1 năm 2021 đến ngày 11 tháng 6 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	2% - 4%
Các khoản vay ngân hàng bằng EUR	7.327.292.876	-	252.101	Gốc vay đáo hạn từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	2,1%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>488.169.993.170</b>	<b>11.319.606</b>	<b>252.101</b>		

Trong đó:

Vay có tài sản đảm bảo (\*) 478.894.984.599  
Vay tín chấp 9.275.008.571

(\*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp thẻ chấp tại sân số 01/2017/3197534/HĐBĐ ký ngày 24 tháng 4 năm 2017 và hợp đồng bảo lãnh số ICBC-BL.2019.134 ngày 2 tháng 12 năm 2019.
- ▶ Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/3197534/HĐTD ký ngày 18 tháng 12 năm 2018;
- ▶ Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015;
- ▶ Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, và
- ▶ Trại phiêu của Công ty An Thành.

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết vay ngân hàng dài hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	12.072.000.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối cùng vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	Phương tiện vận tải theo một số hợp đồng thế chấp của Công ty An Tín.
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>12.072.000.000</b>		

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	5.656.000.000
Vay dài hạn	6.416.000.000

(\*) Lãi suất khoản vay ngân hàng dài hạn là 10%/năm.

#### 21.3 Trái phiếu phát hành

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Hải Dương (*)	49.805.000.000	Đáo hạn ngày 20 tháng 10 năm 2021. Lãi trả hàng quý.	Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 51/2018/HĐBĐ/NHC/TKCNHD5 ngày 17 tháng 4 năm 2018, kèm thư bảo lãnh bổ sung của Ông Phạm Anh Dương.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.805.000.000</b>		

(\*) Lãi suất cố định năm đầu tiên là 8%/năm, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần.

#### 21.4 Vay cá nhân

Cá nhân	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Hoàng Thị Xuyên Nguyễn Thị Văn Anh Hoàng Thị Kim Liên	6.999.444.500 5.999.444.500 6.998.350.000	Vay từ ngày 23 tháng 12 năm 2020 đến ngày 23 tháng 12 năm 2022. Thanh toán nợ gốc và lãi vay vào cuối kỳ vay.	6,5%	Hình thức đảm bảo Vay tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.997.239.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

**22. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	209.752.312	620.095.911
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	10.520.000.162	7.341.134.892
Sử dụng trong năm	<u>(9.864.885.872)</u>	<u>(7.751.478.491)</u>
Số cuối năm	<u>864.866.602</u>	<u>209.752.312</u>

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>								
Số đầu năm	278.500.000.000	54.103.900.000	(39.715.243)	1.564.926.542	7.608.907.791	76.621.257.193	186.152.403.557	604.511.679.830
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	46.133.277.723	7.955.158.836	54.088.436.559
- Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.839.417.271	(1.839.417.271)	(405.087.665)	(7.341.134.892)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.936.047.227)	(11.760.000.000)	(11.760.000.000)
- Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền báo cáo công ty con	-	-	(298.062.826)	-	-	-	(77.589.327.575)	(77.589.327.575)
- Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(198.591.268)	(190.803.375)	(389.394.643)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(298.062.826)
Số cuối năm	278.500.000.000	54.103.900.000	(337.778.069)	1.564.926.542	9.448.325.062	113.780.479.140	104.162.343.778	561.222.196.453
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	278.500.000.000	54.103.900.000	(337.778.069)	1.564.926.542	9.448.325.062	113.780.479.140	104.162.343.778	561.222.196.453
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.120.022.161	(3.120.022.161)	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	(9.976.817.578)	(543.182.584)	(10.520.000.162)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.775.000.000)	(7.900.000.000)	(7.900.000.000)
(*)	41.775.000.000	-	-	-	-	-	(7.900.000.000)	(7.900.000.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Các công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con hiện hữu	-	-	-	-	-	(1.149.328.706)	(20.700.671.294)	(21.850.000.000)
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền báo cáo công ty con	-	-	(669.516.268)	-	-	-	-	(669.516.268)
Số cuối năm	320.275.000.000	54.103.900.000	(1.007.294.337)	1.564.926.542	12.568.347.223	100.934.023.554	84.809.692.826	573.249.595.808

(\*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã thực hiện trích các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 200301/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 20 tháng 3 năm 2020 và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con; và

(\*\*) Theo Nghị quyết số 210901/2020/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức của năm 2019 với số lượng phát hành thêm 4.177.500 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đang ký phát hành	32.027.500	320.275.000.000	27.850.000	278.500.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.027.500	320.275.000.000	27.850.000	278.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.027.500	320.275.000.000	27.850.000	278.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	32.027.500	320.275.000.000	27.850.000	278.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.027.500	320.275.000.000	27.850.000	278.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

**23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	278.500.000.000	278.500.000.000
Tăng vốn trong năm	41.775.000.000	-
Số cuối năm	320.275.000.000	278.500.000.000
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>41.775.000.000</b>	-

**23.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	41.775.000.000	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2019: 1.500 VND/cổ phiếu)	41.775.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	1.096.221,39	1.571.466,75
SGD	8.576,01	37.510,78
EUR	5.212,95	5.212,95

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.090.796.968.262</b>	<b>4.642.259.702.391</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	3.347.015.828.990	3.877.282.858.561
Doanh thu bán thành phẩm	603.529.141.131	635.048.444.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ	140.251.998.141	129.692.551.983
Doanh thu khác	-	235.847.228
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(8.067.337.510)</b>	<b>(10.672.181.036)</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(7.228.575)</i>	<i>(85.151.317)</i>
<i>Giảm giá bán hàng</i>	<i>(1.066.478.991)</i>	<i>(1.069.390.048)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(6.993.629.944)</i>	<i>(9.517.639.671)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.082.729.630.752</b>	<b>4.631.587.521.355</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	3.784.879.097.545	4.203.929.028.449
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	297.850.533.207	427.658.492.906

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	22.592.039.702
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.089.567.776	33.772.128.899
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.417.675.897	4.984.390.584
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.507.243.673</b>	<b>61.348.559.185</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	3.222.007.705.433	3.780.567.206.192
Giá vốn bán thành phẩm	466.025.344.003	507.813.935.910
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.588.350.904	104.400.878.076
Giá vốn khác	-	75.931.173
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.807.621.400.340</b>	<b>4.392.657.951.351</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.272.379.982	57.113.357.924
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.336.179.388	6.790.894.258
Chi phí phát hành trái phiếu	260.000.000	260.000.000
Chi phí tài chính khác	9.606.234	2.715.226.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.878.165.604</b>	<b>66.879.478.300</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	14.355.072.278	18.659.424.565
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.998.749.283	3.523.202.786
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.035.650.154	71.852.335.865
- Chi phí bán hàng khác	9.329.240.980	21.349.658.494
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>138.718.712.695</b>	<b>115.384.621.710</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên	23.935.378.219	22.784.565.835
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.831.103.133	1.674.122.761
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.441.760.407	2.396.091.185
- Thuế phí, lệ phí	10.249.087.672	5.654.363.683
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.014.487.032	8.533.498.503
- Chi phí quản lý khác	19.907.573.019	13.928.211.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.379.389.482</b>	<b>54.970.873.302</b>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	48.674.375	-
Các khoản khác	939.452.691	1.858.076.279
	<b>988.127.066</b>	<b>1.858.076.279</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ từ thanh lý tài sản	2.806.684.323	1.564.874.722
Các khoản khác	1.261.495.240	345.544.069
	<b>4.068.179.563</b>	<b>1.910.418.791</b>
<b>LỖ KHÁC THUẦN</b>	<b>(3.080.052.497)</b>	<b>(52.342.512)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	422.118.163.160	530.226.937.008
Chi phí nhân công	80.611.183.364	88.046.682.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.879.040.531	46.820.446.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.296.342.435	150.345.687.236
Chi phí khác	32.812.748.790	44.978.904.157
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>784.717.478.280</b>	<b>860.418.657.642</b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoài trừ các trường hợp dưới đây

*Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO3 mở rộng và bột đá CaCO3*

Theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với Công ty trong năm 2020 là 10% cho thu nhập từ dự án này.

*Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD*

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD là 17% theo luật thuế TNDN của Singapore.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.117.375.512	13.494.701.504
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh theo Nghị định 132 (*)	(3.628.830.020)	-
Chi phí thuế TNDN trích thừa năm trước	(803.493.895)	(4.648.874.896)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.685.051.597</b>	<b>8.845.826.608</b>

(\*) Công ty và các công ty con đã điều chỉnh lại chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm 2018 và 2019 theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 ("Nghị định 132") sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP. Theo đó chi phí thuế TNDN của các năm 2018 và 2019 được điều chỉnh giảm với số tiền là 3.628.830.020 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.650.967.382</b>	<b>62.934.263.167</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.897.084.025	12.447.578.896
Thuế TNDN theo thuế suất 17%	629.052.503	118.382.677
Thuế TNDN theo thuế suất 10%	1.346.523.841	-
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	4.810.217.288
Chi phí không được khấu trừ	139.921.518	332.496.120
Các khoản điều chỉnh tăng khác	99.462.993	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.736.373	34.874.218
Điều chỉnh hợp nhất	(618.362.715)	304.304.536
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(803.493.895)	(4.648.874.896)
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh theo Nghị định 132	(3.628.830.020)	-
Thuế TNDN được miễn và chênh lệch thuế suất kỳ này (*)	(1.393.612.785)	(4.307.742.168)
Chuyển lỗ	-	(172.227.128)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(70.430.241)	(73.182.935)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.685.051.597</u></b>	<b><u>8.845.826.608</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020 và theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020, Công ty thuộc nhóm đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020.

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các khoản bảo lãnh với bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 21, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm báo gồm:

		Đơn vị tính: VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Mua hàng hóa dịch vụ	1.001.378.818.076	1.598.243.491.255
		Doanh thu bán hàng	250.555.351.805	330.445.849.149
		Thu tiền chi hộ	15.877.527.375	17.266.186.266
		Chi hộ	-	2.064.395.449
		Tiền chi cho vay	10.000.000.000	-
		Thanh toán các khoản vay	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Chuyển nhượng mua cổ phần	21.850.000.000	-
		Chi trả cổ tức	-	6.445.000.000
		Cho vay	124.255.000.000	239.700.000.000
		Thu hồi gốc vay	122.900.000.000	221.982.000.000
		Lãi cho vay	6.557.664.997	4.737.538.572
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.504.590.000	-
		Doanh thu bán hàng	155.845.111	207.753.275
		Tiền thu từ bán công ty con	-	80.000.000.000
		Doanh thu bán hàng	20.164.084.545	94.409.239.007
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	2.793.600	65.754.147.848
		Mua hàng hóa dịch vụ	530.000	4.901.961.148
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	47.879.506	3.264.510
		Thu hồi gốc vay	44.000.000.000	34.000.000.000
		Cho vay	44.000.000.000	19.000.000.000
		Tiền lãi cho vay	108.547.945	-
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch tập đoàn của Công ty mẹ cấp 1	Thu tiền tạm ứng	-	1.285.550.000
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tam ứng	114.900.000	359.522.000
		Thu hồi tam ứng	1.154.239.325	816.699.900
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng tập đoàn	Cho vay	30.000.000.000	8.800.000.000
		Thu hồi gốc vay	30.000.000.000	-
		Tiền lãi cho vay	2.061.048.956	-
		Mua hàng hóa	704.295.412	-
		Doanh thu bán hàng	2.961.406.510	727.529.915
Công ty TNHH Linh Kiện Nhựa Ô Tô Vinfast - An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	458.415.000	1.864.857.050
		Doanh thu bán hàng	418.195.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	418.195.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	26.269.050.787	-
		Doanh thu bán hàng	1.897.446.350	-
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	8.764.000.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	314.598.650.018	-
Công ty An Phát International, Inc.	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa và dịch vụ	314.598.650.018	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Thu hồi gốc vay Lãi cho vay	21.169.682.307 17.374.371.708 19.000.000.000 1.566.794.521	1.683.076.456 - - -
Công ty TNHH Phát triển Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Viexim	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	22.227.273	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả đối với các bên liên quan của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không chịu lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.118.098.046	5.003.301.688
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	673.574.000	783.127.046
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.640.538.295	546.400.300
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.200.000	687.622.100
Công ty TNHH Cơ Khí Chính xác và Khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.389.000	63.893.500
Công ty Cổ phần Sản Xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.697.500	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ Cao An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.109.174.688	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.830.396.422	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.452.327	23.876.665
			<b>21.625.520.278</b>	<b>7.108.221.299</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</b>				
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	20.114.768.964	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	4.635.175.719	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	4.262.410.421	-
Công ty An Phát International, Inc.	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	61.591.961.196	-
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	1.133.694.770	8.419.724
			<b>91.738.011.070</b>	<b>8.419.724</b>
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	12.432.217.536	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	7.725.601.801	-
			<b>20.157.819.337</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty cùng tập đoàn	Cho vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Cho vay ngắn hạn	3.300.000.000	8.744.706.849
Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay ngắn hạn	5.292.300.000	5.315.300.000
			<b>8.592.300.000</b>	<b>15.060.006.849</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Cho vay dài hạn	29.055.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát xanh	Công ty cùng tập đoàn	Cho vay dài hạn	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty mẹ cấp 2	Cho vay dài hạn	8.950.000.000	-
			<b>48.005.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Lãi vay phải thu	3.400.895.136	2.760.655.490
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Phải thu từ chi hộ	3.217.979.856	1.953.485.043
Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng Tập đoàn	Lãi vay phải thu	93.589.041	-
Công ty cổ phần nhựa bao bì An Vinh	Công ty cùng Tập đoàn	Lãi vay phải thu	691.708.191	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Tổng Hợp Sunrise Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu từ chi hộ	57.847.724	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu từ chi hộ	3.422.250	-
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu từ chi hộ	2.108.150	-
Công ty An Phát International, Inc.	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi hộ	753.125.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ cao An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Lãi vay phải thu	1.678.132.871	-
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	1.039.339.325
			<b>9.898.808.219</b>	<b>5.753.479.858</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Mua hàng hóa và dịch vụ	176.202.465.797	365.319.272.629
Công ty Cổ phần Sản Xuất Tổng Hợp Sunrise Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ	434.962.499	-
			<b>176.637.428.296</b>	<b>365.319.272.629</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Phải trả từ thu hộ	16.304.506.611	-
Công ty An Phát International, Inc.	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải trả từ thu hộ	1.126.137.575	-
			<b>17.430.644.186</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
				Số đầu năm	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i>					
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Trả trước mua hàng hóa dịch vụ	-	35.187.268.614	
			-	<b>35.187.268.614</b>	

**Các giao dịch với bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Đơn vị tính: VND	
			Thu nhập	
			Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch		60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2019	24.000.000	24.000.000
		Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019	-	637.604.461
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020	24.000.000	18.000.000
			680.188.656	901.237.230
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên		24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020	20.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020	4.000.000	24.000.000
Ông Phạm Anh Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019	-	6.000.000
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020	159.382.232	-
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2020		
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020		
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020	360.100.999	218.128.270
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.355.671.887</b>	<b>1.912.969.961</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.174.712.859	46.133.277.723
Điều chỉnh giảm do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(9.976.817.578)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>43.174.712.859</b>	<b>36.156.460.145</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.027.500	32.027.500
Ảnh hưởng suy giảm:		
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>32.027.500</b>	<b>32.027.500</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	1.348	1.129
- Lãi suy giảm	1.348	1.129

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết số 200301/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty và theo các Nghị quyết của các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến từ lợi nhuận của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh số lượng cổ phiếu đã được phát hành thêm để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết số 200301/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty và các công ty con thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.754.552.357	6.751.425.881
Từ 1 - 5 năm	8.744.795.118	17.118.347.700
Trên 5 năm	3.126.680.663	2.356.339.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.626.028.138</u></b>	<b><u>26.226.112.631</u></b>

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Công ty và các công ty con. Các hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Công ty và các công ty con.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty và các công ty con theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lợi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lợi lỗ của Công ty và các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 35.1 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau.

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>				
Doanh thu thuần	3.073.337.897.180	1.009.391.733.572	-	4.082.729.630.752
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.270.193.271	76.670.353.516	(97.940.546.787)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	3.094.608.090.451	1.086.062.087.088	(97.940.546.787)	4.082.729.630.752
Tổng doanh thu				
Kết quả	44.702.949.590	4.358.992.220	(3.104.836.476)	45.957.105.334
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận				10.693.862.048
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	56.055.495.015	3.700.308.843	(3.104.836.476)	56.650.967.382
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.450.459.998	234.591.599	-	3.685.051.597
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	49.500.198.541	3.465.717.244	-	52.965.915.785
Lợi nhuận thuần sau thuế				1.278.964.140.858
Tài sản và công nợ	1.187.834.175.067	151.032.922.950	(59.902.957.159)	251.491.510.631
Tài sản bộ phận				1.530.455.651.489
Tài sản không phân bổ	1.427.336.210.148	163.022.398.500	(59.902.957.159)	387.162.823.511
Tổng tài sản	286.868.068.880	144.985.874.340	(44.691.119.709)	570.044.232.170
Công nợ bộ phận				957.207.055.681
Công nợ không phân bổ	856.912.301.050	144.985.874.340	(44.691.119.709)	
Tổng công nợ				
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	2.687.016.265	-	-	2.687.016.265
Tài sản cố định hữu hình	407.038.000	-	-	407.038.000
Tài sản cố định vô hình	48.879.040.531	-	-	48.879.040.531
Khấu hao				

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 35.1 Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>				
Doanh thu thuần	3.549.197.058.905	1.082.390.462.450	-	4.631.587.521.355
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	19.381.313.314	71.042.870.097	(90.424.183.411)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	3.568.578.372.219	1.153.433.332.547	(90.424.183.411)	4.631.587.521.355
Tổng doanh thu				
Kết quả	62.237.894.480	696.368.687	-	62.934.263.167
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận				
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	62.237.894.480	696.368.687	-	62.934.263.167
Lợi nhuận thuần trước thuế	(8.625.495.286)	(220.331.322)	-	(8.845.826.608)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	53.612.399.194	476.037.365	-	54.088.436.559
Lợi nhuận thuần sau thuế				
Tài sản và công nợ	1.662.653.447.237	128.661.897.590	(41.401.042.910)	1.749.914.301.917
Tài sản bộ phận				
Tài sản không phân bổ	1.662.653.447.237	128.661.897.590	(41.401.042.910)	1.749.914.301.917
Tổng tài sản	1.104.564.572.994	110.316.737.930	(26.189.205.460)	1.188.692.105.464
Công nợ bộ phận				
Công nợ không phân bổ	1.104.564.572.994	110.316.737.930	(26.189.205.460)	1.188.692.105.464
Tổng công nợ				
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	53.291.218.053	-	-	53.291.218.053
Tài sản cố định hữu hình	38.250.000	-	-	38.250.000
Tài sản cố định vô hình	46.820.446.379	-	-	46.820.446.379
Khấu hao				

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 35.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:	Sản xuất và bán hạt nhựa	Kinh doanh thương mại hạt nhựa	Dịch vụ vận chuyển	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>					
Doanh thu thuần	617.549.570.271	3.327.905.231.822	137.274.828.659	-	4.082.729.630.752
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.893.190.274	9.900.990.099	60.500.433.838	(87.294.614.211)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	634.442.760.545	3.337.806.221.921	197.775.262.497	(87.294.614.211)	4.082.729.630.752
Tổng doanh thu					
Kết quả	37.997.733.181	13.682.430.820	15.421.777.809	(21.144.836.476)	45.957.105.334
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận					10.693.862.048
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	45.310.435.871	15.509.510.660	16.975.857.327	(21.144.836.476)	56.650.967.382
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.962.546.879	(720.188.384)	2.422.693.102	-	3.685.051.597
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	43.327.888.992	16.229.699.044	14.553.164.225	(21.144.836.476)	52.965.915.785
Lợi nhuận thuần sau thuế	700.207.180.917	657.245.813.314	126.646.451.994	(205.135.305.367)	1.278.964.140.858
Tài sản và công nợ					251.491.510.631
Tài sản bộ phận					1.530.455.651.489
Tài sản không phân bổ	773.298.604.308	788.654.426.633	173.637.925.915	(205.135.305.367)	387.162.823.511
Tổng tài sản	44.678.370.637	333.769.782.287	18.423.401.881	(9.708.731.294)	570.044.232.170
Công nợ bộ phận					957.207.055.681
Công nợ không phân bổ	298.179.327.341	605.701.871.110	63.034.588.524	(9.708.731.294)	-
Tổng công nợ					-
Các thông tin bộ phận khác					2.687.016.265
Chi phí hình thành tài sản cố định	1.602.096.225	137.600.040	947.320.000	-	407.038.000
Tài sản cố định hữu hình	62.090.000	104.500.000	240.448.000	-	48.879.040.531
Tài sản cố định vô hình	35.445.881.912	2.102.099.332	11.331.059.287	-	-
Khấu hao					-

## Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 35.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)	Sản xuất và bán hạt nhựa	Kinh doanh thương mại hạt nhựa	Dịch vụ vận chuyển	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>					
Doanh thu thuần	643.985.418.727	3.864.747.610.045	122.854.492.583	-	4.631.587.521.355
Doanh thu thuần từ bán hàng re bên ngoài	33.475.504.503	48.291.760.759	69.729.638.499	(151.496.903.761)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	677.460.923.230	3.913.039.370.804	192.584.131.082	(151.496.903.761)	4.631.587.521.355
Tổng doanh thu					
Kết quả	48.450.237.048	10.678.915.051	19.906.111.068	(16.101.000.000)	62.934.263.167
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận					
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	48.450.237.048	10.678.915.051	19.906.111.068	(16.101.000.000)	62.934.263.167
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.877.137.904	(6.765.054.925)	(3.957.909.597)	-	(8.845.826.608)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50.327.374.952	3.913.860.126	15.948.201.481	(16.101.000.000)	54.088.436.559
Lợi nhuận thuần sau thuế					
Tài sản và công nợ	831.633.449.450	936.146.915.862	164.162.551.698	(182.028.615.093)	1.749.914.301.917
Tài sản bộ phận					
Tài sản không phân bổ	831.633.449.450	936.146.915.862	164.162.551.698	(182.028.615.093)	1.749.914.301.917
Tổng tài sản	387.523.592.356	749.270.322.293	57.314.968.458	(5.416.777.643)	1.188.692.105.464
Công nợ bộ phận					
Công nợ không phân bổ	387.523.592.356	749.270.322.293	57.314.968.458	(5.416.777.643)	1.188.692.105.464
Tổng công nợ					
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí hình thành tài sản cố định	37.787.439.931	9.859.309.998	5.644.468.124	-	53.291.218.053
Tài sản cố định hữu hình	38.250.000	-	-	-	38.250.000
Tài sản cố định vô hình	33.533.910.823	2.072.181.732	11.214.353.824	-	46.820.446.379
Khấu hao					

**Công ty Cổ phần An Tiến Industries**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Thị Thu Nhân  
Người lập kiêm kế toán trưởng



Đặng Thị Quỳnh Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021